

Chương 5: Hội Nhập

Cầm cuốn nhật ký trong tay, Hà lững thững đi về phía rừng thông. Khoảng sáu giờ, sau bữa ăn tối, trời còn sáng lắm, khí hậu dịu mát, không còn cái nắng gay gắt và cái nóng hầm hập của ban ngày. Từ khu rừng thông, Hà thấy được toàn cảnh trại với những dãy lều, những con đường trải sỏi trắng, và những hàng rào kẽm gai, đám mây trắng nổi bồng bồng trôi trên những ngọn cây thông xanh ngắt, vài con sóc chạy vụt qua rồi biến mất, tất cả thật thanh bình dưới ánh hoàng hôn. Hà đến chiếc bàn gỗ quen thuộc ngoài bìa rừng, mở cuốn nhật ký, ghi lại những ngày đã qua...

Ngày 1 tháng 5, 1975

Bây ngày ở Orote Point, Guam, thật chán nản. Khí hậu khắc nghiệt, ban ngày thì nóng như thiêu đốt, ban đêm thì lạnh, ngoài cái chăn dạ mỏng, phải mặc thêm áo len khi đi ngủ mới đủ ấm. Phòng vệ sinh, tắm rửa là những cái chòi dựng vọi, thô sơ, đã có nhiều vụ nhìn trộm xảy ra, nên phụ nữ rủ nhau đi từng đám, canh chừng lẫn cho nhau. Ngày ăn ba bữa, lần nào cũng trứng hộp (liquid eggs) và thịt mỡ (bacon), ớn mà vẫn phải ăn. Tội nghiệp mẹ, kiên nhẫn xếp hàng nhiều lần dưới cơn nắng gắt để lấy cơm về cho mình và bố. Mình buồn thiu, chả thiết ăn uống, còn bố thì xem việc phải đứng chờ hàng giờ vì miếng ăn là việc chẳng đáng làm. Giải trí duy nhất là bãi biển, cách trại khá xa, nước trong xanh, mát rượi, tha hồ vùng vẫy, bơi lội bì bõm. Mình ngại đi xa, ngại thay áo tắm lộ thiên chỉ được che chắn bằng mấy tấm khăn hệt trên hệt dưới, đôi khi bị gió thổi tóc

ngược lên, nên chọn ở lại giữ lều. Đọc lại cuốn lưu bút Gia Long, những lời tâm tình thân thương, những đoạn văn học trò, làm mình nhớ quay quắt quãng đời học sinh trong trắng, hồn nhiên vừa qua. Thật tiếc đã không gặp lại Tú vào lúc cuối, giờ đây không biết số phận của Tú và các bạn khác ra sao. Tâm trạng của mình lúc này y như lời bài thơ đã viết ở trang đầu cuốn lưu bút, càng đọc càng thấm thía:

Kỷ niệm thân thương vừa liệm kín,
Bước đi ngơ ngẩn ngõ trong mê.
Cho đến ngàn đời đâu trở lại,
Tuổi thơ mất lối lạc đường về.
(Thơ *Vào Hạ*, Nguyễn P. Thúy)

Ngày 8 tháng 5, 1975

Mười hai giờ đêm, gia đình mình được gọi xuất trại, lục đục mang hành lý ra xe. Ngậm ngùi giã từ gia đình chú Lễ, người bạn đồng hành, đã từng giúp đỡ gia đình mình rất nhiều. Xe chạy qua thành phố, xuyên qua những cánh rừng thưa rồi ngừng lại tại một trại tạm cư khác, Asan, vào lúc 3 giờ sáng. Niềm hy vọng được đưa đến phi trường sang Mỹ tắt ngúm, mọi người thất vọng, ỉu xìu, đem đồ vào trại.

Ngày 18 tháng 5, 1975

Những ngày tại Asan dễ chịu hơn, được ở trong những barracks rộng rãi, thoải mái. Giang sơn của mỗi gia đình là vài cái giường sắt hai tầng, được che chắn bởi những tấm vải trải giường. Phòng tắm, giặt kín đáo, riêng biệt. Thức ăn được đổi món luôn, có cả trái cây hộp, cà rem (ice cream). Buổi tối có chiếu phim trên màn ảnh lộ thiên khá lớn dựng

trên ngọn đồi. Phim đánh võ của Bruce Lee thật hay và hào hứng, thu hút nhiều khán giả. Hết phim, đường về đầy người rộn rịp, náo nhiệt, gió biển lồng lộng, hàng dừa lao xao, trăng sao sáng vàng vạc, vui như ngày hội.

Qua điện thoại của văn phòng điều hành, bố bắt liên lạc được với anh Nguyễn, đi du học bên Mỹ từ năm 1971, hiện đang học Cao học ở trường Case Western, Cleveland. Anh Nguyễn sẽ nhờ bạn học làm giấy tờ bảo trợ cho cả gia đình về định cư tại Cleveland, Ohio. Cả nhà mừng rỡ vì sắp gặp lại anh, không phải chờ đợi các cơ quan thiện nguyện bảo lãnh để được nhập cảnh, thủ tục này có khi kéo dài nhiều tháng.

Ngày 26 tháng 5, 1975

Nhờ làm thông dịch viên cho ban quản trị, mình và Phượng biết được chuyến bay sắp tới còn chỗ cho 8 người, vừa một gia đình, hay nhiều gia đình ghép vào cho đủ số. Mình mừng quá, ghi tên gia đình vào danh sách.

Ba giờ sáng ngày 27, gia đình mình được gọi lên làm thủ tục rời trại, đáp chuyến bay DC10 Northwest Orient đến căn cứ Không quân Eglin ở Andersen, Florida. Chuyến bay dừng lại tại Seattle, Washington khoảng một tiếng để đổi phi hành đoàn và đến Florida, giờ địa phương là 7 giờ sáng cùng ngày. Đoàn người quần áo xóc xếch được đón chào bởi một cô gái Việt Nam mặc áo dài trắng cùng một số sĩ quan Không quân Mỹ. Thật bồi hồi, cảm động khi nhìn thấy quê hương qua tà áo dài mong manh, dịu dàng, phát phới bay trên phi đạo rộng lớn, uất nghẹn bấy lâu được dịp vỡ òa,

nhặt nhòa nước mắt. Khi về đến chỗ tạm trú, lại lều vải, nắng đã lên, nóng gay gắt, tuy không nói nhưng nét mặt ai cũng đầy sự mệt mỏi, chán chường.

Ngày 14 tháng 6, 1975

Thấm thoát đã ở Florida được 18 ngày, cái gì rồi cũng qua đi, cũng trở thành thói quen. Ngày ngày xếp hàng 3 lần lãnh cơm, thức ăn tươi, rau, trái cây có đủ, tha hồ mà ăn uống phong phú. Khung cảnh thơ mộng, rừng thông xanh ngắt, những đêm trăng tròn vành vạch nhô lên khỏi rặng thông, tỏa ánh sáng êm dịu, gợi nhớ nhà da diết. Chỉ ghét khí hậu khắc nghiệt, ban ngày rất nóng, ban đêm lạnh phải mặc áo len.

Gia đình mình được nhiều người giúp đỡ. Họ là những anh chiến sĩ Hải quân, Nhảy dù, Biệt động quân, khi ra đi đã bỏ lại tất cả, và đã tìm thấy tình thân thiết, đầm ấm từ gia đình mình. Những tình cảm của Hải, Thi, Kiên dành cho mình và Phương rất rõ rệt, nhất là Hải, sáng giá nhất, cứ bám sát theo mình. Mình thích sự sẵn đón, chiều chuộng, nhưng lòng chưa rung động, chần chẫn là như vậy.

Bố sốt ruột vì chờ đợi, gọi anh Nguyễn thì được biết giấy tờ bảo lãnh đã xong, chắc chỉ vài ngày nữa là rời trại. Quả nhiên, ba hôm sau có tin xuất trại, vui buồn lẫn lộn. Vui vì sắp gặp lại anh Nguyễn sau 4 năm xa cách, buồn vì phải từ giã những người đồng hương, đồng cảnh ở đây...

Đang cầm cúi viết, chợt có bàn tay ôm lấy vai, Hà ngẩng mặt lên vừa lúc Hải cúi xuống, mắt đăm đăm, mê đắm. Hà

vội vàng xếp cuốn nhật ký, ngồi xích qua một bên, hỏi Hải tìm nàng có chuyện gì không. Hải hớn hờ trao Hà hộp kẹo chocolate thất nơ nhưng đỏ. Hà đón lấy, hỏi:

- Ở đâu anh có vậy?
- Có người bạn ra phố, anh nhờ mua cho em. Em có thích không?
- Anh bày vẽ làm chi cho tốn tiền. Mà anh làm gì có tiền nhi.
- Anh làm việc trong ban quản trị, quen với mấy người Mỹ, lâu lâu nhờ họ mua mấy thứ lặt vặt, họ không lấy tiền. Ngày mai em rời trại rồi, chia tay phải có quà chứ!
- Vâng, ngày mai em đi sớm.

Hải muốn trải lòng mình, nhưng nhìn vẻ mặt Hà trầm tư, nghiêm trang, lại tần ngần không biết mở lời cách nào. Hít một hơi dài, Hải đánh bạo dò hỏi:

- Hà viết nhật ký hả? có người yêu rồi ư? Cho anh đọc được không?

Hà lắc đầu, khư khư giữ cuốn nhật ký trong tay:

- Đâu có anh. Bố mẹ muốn Hà học xong mới tính chuyện hôn nhân.

Hải mừng rơn:

- Bố mẹ em lo cho tương lai của em như vậy là đúng đó. Ở bên đây cứ chịu khó học là sẽ ra trường, không khổ như hồi học ở Việt Nam. Có bằng cấp rồi dễ tìm việc làm hơn. Hà nè, khi anh ra trại, anh đến thăm Hà có được không? Hà có muốn gặp lại anh không?
- Được chứ anh. Gia đình rất quý mến anh và sẽ mừng lắm khi có dịp gặp lại anh đó.

Rồi Hà đứng lên, theo con đường cũ về trại. Hải đi sát bên cạnh, xoay câu chuyện, hỏi han về quần áo lãnh từ nhà kho sáng nay có dùng được không. Hà bảo từ lúc chạy loạn đến giờ mới được quần áo tốt, mấy cái áo lạnh cho mùa đông còn khá mới, có cái bằng lông gấu rất đẹp. Hà cảm ơn Hải và các anh khác đã giúp đỡ gia đình Hà rất nhiều trong lúc ở đây. Hà chúc Hải mau định cư, có tương lai ổn định, sớm được tin tức của gia đình.

Gần đến lều, ngang khúc ngoặt vắng người, nhiều cây, hơi tối, Hải nắm tay Hà giữ lại, mặt sát mặt, định hôn, Hà giựt tay ra, rảo bước về lều.

Đêm ấy, Hà thấy mình vùng vẫy trong vòng tay rắn chắc và nụ hôn tham lam của Hải. Choàng tỉnh, cảm giác bị cưỡng chiếm còn rõ rệt, rờn rợn trên môi, Hà ra sau lều, múc nước rửa mặt thật kỹ.

Trời còn tối lắm, tuy đã gần 5 giờ sáng, sương đêm lạnh buốt, mọi người co ro trong phòng đợi xe bus đến. Hà giữ khoảng cách giữa mình và Hải. Hải thắc mắc, hỏi Hà có sao không. Hà bảo là còn buồn ngủ và hơi mệt vì tối qua thức trễ lại dậy sớm sáng nay. Ông bà Xuân cho Hải, Thi, Kiên địa chỉ liên lạc của Nguyễn, dặn có dịp ghé thăm ông bà. Phút giây từ già kéo dài bịn rịn, ba chàng mặt buồn xo. Bánh xe lăn nhanh, khung cảnh quen thuộc, những dãy lều xin màu, từ từ lùi xa dần.

Mỗi lần đi thêm một bước, lại xa quê thêm vạn dặm, Hà băng khuâng nhìn qua khung cửa sổ máy bay, bên dưới thành phố vẫn còn chi chít, lấp lánh ánh đèn đêm.

Bảy giờ đến Atlanta, nhân viên Red Cross ra đón, cho ăn uống đầy đủ, nghỉ ngơi, đến 10:30 đổi phi cơ đi Cleveland, Ohio. Hà thích thú, lạ lẫm trước cảnh phi trường vĩ đại, tấp nập, với từng hàng máy bay, đậu sát vào những khung cửa tò vò, lòng háo hức trước một cuộc đời mới đầy hứa hẹn.

Quá trưa ngày 28 tháng 6 thì đến phi trường Cleveland. Vừa ra khỏi cổng đã thấy Nguyễn đứng đó. Hà ngờ ngờ nhìn anh, mắt cay xè. Nguyễn chạy lại ôm lấy bố mẹ và các em, ai cũng sụt sùi, mừng mừng, tủi tủi. Đỡ, bạn của Nguyễn, đến chào ông bà Xuân, rồi đỡ lấy những túi hành lý linh tinh. Nguyễn bế thằng em trai út, nó lên bảy mà nhỏ xíu so với con nít Mỹ, vừa đi vừa trả lời các câu hỏi của ông bà Xuân. Từ cổng ra đến ngoài phi trường khá dài, cứ chốc chốc Nguyễn lại ngừng, chờ các em đang lúp xúp ở phía sau.

Hà ngồi cùng xe với Nguyễn, từ băng ghế sau, thăm quan sát anh. Với mái tóc dài phủ tai, phủ gáy, và thái độ chừng chạc, điềm đạm, trông Nguyễn khác hẳn lúc còn ở nhà, Hà cảm thấy ngỡ ngàng, xa lạ. Những con đường dài hun hút, phẳng lì, xuyên qua khu phố sầm uất với những tòa nhà to lớn, cao ngất, rồi qua những khu nhà lụp xụp, những khu nhà xây giống hệt nhau, và cuối cùng thì đến một khu nhà cổ nguy nga, với vườn cỏ mượt xanh, đẹp mắt.

Căn nhà tạm trú nằm trên một ngọn đồi, khá lớn, của một người giáo sư Mỹ dạy trường Case Western, bạn của Đỗ và Nguyễn. Họ đi vắng mấy tuần, nên để nhà cho gia đình Nguyễn tạm dùng. Hà và các em ríu rít đi xem xét từng phòng, khắp nhà, cái gì cũng lạ mắt, đẹp đẽ và to lớn, nàng

thật sự bị choáng ngợp bởi sự giàu có, sung túc đến mức thừa mứa.

Bây giờ đến Mỹ, lại không có sự bảo trợ của các cơ quan thiện nguyện, ông bà Xuân rất lo. Ông bà làm đơn vào quốc tịch Mỹ, xin phiếu mua thực phẩm (food stamps) vì số tiền bán xe hơi lúc ở Lào, vài trăm đô, mà ông bà đã chắt chiu, dè xén, cũng không cầm cự được lâu và Nguyễn mãi đến hai tháng sau mới nhận việc, mới có thể giúp gia đình. Trước hết là phải tìm chỗ ở, trường học, rồi việc làm, ngày nào ông Xuân cũng cầm cúi đọc mấy mục tìm việc, tìm nhà từ các tờ báo địa phương. Nguyễn cứ bảo ông Xuân phải cho Hà đi làm để phụ giúp gia đình, để dạn dĩ và xông xáo hơn, chứ cứ nhút nhát như thế thì không tự lập được. Hà lo lắng, không biết phải ăn nói ra sao, xin việc gì, liệu có làm được hay không. Hà buồn, thậm chí trách anh không biết nỗi khổ của mình, không còn thương mình như xưa nữa, vừa mất nước, vượt vạn dặm đường mới đến đây đã bị bắt đi làm ngay.

Việc tìm nhà rất khó khăn, nhiều nơi không cho mướn vì số người trong gia đình quá đông so với gia đình người Mỹ trung bình chỉ có 3 hoặc 4 người.

Cuối cùng qua Đỗ, ông bà Xuân cũng mướn được một căn nhà duplex, kiểu nhà đôi chung vách, với ba phòng ngủ, trong khu Brookpark gần trường học, cách chỗ chợ khoảng một mile, tiện đường xe bus. Bà Xuân đưa đón các con tận cổng trường. Hà và Phượng đi học đại học và học thêm Anh ngữ trong lúc đợi việc làm. Ông Xuân mua cái xe cũ, hơn một trăm đô, to lớn, cồng kềnh. Ông nhờ Đỗ tập lái xe vài lần cho quen, rồi thi lấy bằng được ngay. Tuy có xe

hơi nhưng ít xử dụng vì sợ tốn xăng, tốn tiền. Đi chợ, thường đi bộ rồi chia nhau xách về. Hôm nào mua nhiều đồ, thì bà Xuân lễ mễ đem lên xe bus, trả 5 xu, còn những người khác thông dong đi bộ, rồi gặp bà Xuân ở trạm bus ngay bên kia đường, đổi diện nhà.

Tháng sau, Hà có việc giữ trẻ em. Chủ nhà, ông bà Tolentino, người Phi Luật Tân, đều là bác sĩ, có hai đứa con trai, Vincent và David, lên bốn và hai tuổi. Họ muốn người nuôi trẻ ở lại đêm, đến chiều thứ sáu họ lái xe đưa về, rồi đón đi chiều chủ nhật. Họ thấy người tị nạn, muốn giúp đỡ, nên nhận cả Hà lẫn Phụng. Công việc nhàn hạ, chỉ lo cho hai đứa bé ăn uống, cho ngủ trưa, và chơi với chúng. Hai đứa trẻ rất dễ thương và ngoan ngoãn, quán ngay lấy Hà và Phụng.

Khoảng sân sau nhà rộng, có bộ xích đu, Hà và Phụng vừa đẩy xích đu cho chúng vừa hát nghêu ngao, những bài tình ca gọi niềm nhớ quê hương da diết. Vincent và David chẳng hiểu gì, nhưng điệu nhạc êm ái làm chúng mau buồn ngủ. Bà Tolentino nấu sẵn thức ăn trước khi đi làm, khi về, bà trông con, lo cơm tối, để Hà và Phụng lên phòng nghỉ. Làm được một tuần thì bà Xuân cần Phụng giúp đỡ việc nhà nên đưa Lan, đứa em gái kế Phụng đến thế chỗ, ông bà Tolentino dễ dãi đồng ý.

Cuối tuần là những ngày vui vẻ, hạnh phúc vì có đầy đủ các con ở nhà, có gia đình Đỗ sang chơi. Đỗ cũng mới đoàn tụ với vợ được vài tuần, trước khi gia đình ông Xuân đến Cleveland. Đỗ lớn hơn Nguyễn chín tuổi, đã tốt nghiệp Quốc gia Hành chánh tại Sài Gòn, sang đây học tiến sĩ về

Human Behavior. Ông Xuân tìm thấy ở Đỗ một người bạn tâm đắc, sức học và sự hiểu biết của Đỗ rất khá, hai người có thể nói chuyện văn chương, chính trị hằng giờ. Qua sự giới thiệu và đốc thúc của Đỗ, ông Xuân bắt đầu viết những bài bình luận chính trị cho tờ báo Tiền Phong. Ông nhắn tin tìm người quen, tìm Đức trên báo, khắp khơi hy vọng mỗi lần thư đến hay điện thoại reo.

Nguyễn nhận việc làm ở Michigan, ít về thăm nhà, may mà có Đỗ thường xuyên đến chơi, giúp đỡ ông bà Xuân mọi việc. Khi chờ ông bà Xuân đi chợ Tàu, có người hỏi Đỗ là gì của gia đình, thì Đỗ nói chàng là con. Nhờ cái tình đồng hương, sự săn sóc chân tình của Đỗ lại bận rộn chuyện hội nhập với xã hội Mỹ, nên những ngày tháng đầu tiên trên đất lạ quê người êm đềm trôi nhanh.

Chẳng mấy chốc đã đến ngày Hà và Phượng khăn gói đi học Ohio University tại Athens. Hà xin nghỉ việc trước đó mấy ngày, ông bà Toletino thật tử tế, cho Hà và Lan mỗi đứa một đôi giày mới. Bà Tolentino còn cho Hà một cái váy dài (long dress) hoa đỏ thắm mà bà không mặc được nữa. Hà mặc thử, chiếc váy vừa vặn khít khao như may cho Hà vậy. Bà Tolentino ngắm nghía rồi bảo Hà trông giống bà hồi còn trẻ. Nghĩ lại những tháng ngày vừa qua, Hà thấy đi làm như vậy không có gì cực nhọc cả, lại có tiền giúp đỡ gia đình, nàng thấy mình thật may mắn.

Nguyễn từ Michigan về chờ hai em đi học. Bà Xuân gói ghém đủ thứ cho Hà và Phượng, thùng lớn, thùng nhỏ, chất

đầy xe. Nguyễn cần, bảo cứ 3 tháng lại được nghỉ học về thăm nhà, cần gì lấy sau.

Athens cách Cleveland khoảng 4 tiếng lái xe, có nhiều đoạn đường núi quanh co rất thơ mộng. Trên xe, Nguyễn cần dặn các em cách học, cách sống sao cho thích hợp với đời sống sinh viên và đạt được kết quả tốt, những môn học nào nên lấy trước trong hai năm đầu, những giáo sư nào sẽ sẵn sàng hướng dẫn Hà và Phượng vì họ đã từng biết và có cảm tình với Nguyễn khi Nguyễn học cử nhân ở đây, những sinh viên Việt Nam nào còn ở lại sau 1975, ai tốt, ai xấu, v.v.

Hà chăm chú nghe Nguyễn ân cần chỉ bảo, nàng chột hiệu rằng sở dĩ Nguyễn thôi thúc nàng ra đời tìm việc làm là muốn nàng hội nhập mau chóng, có tính tự lập, xông xáo, dạn dĩ,... những đức tính rất cần cho đời sống sinh viên và tương lai của chính nàng. Hà trách mình nông nổi đã nghĩ không tốt về anh và tự nhủ sẽ cố gắng hơn nữa để được như anh.

Đến trường, Nguyễn giúp em chuyển đồ vào phòng ở Tiffin Hall. Căn phòng nhỏ xíu, nằm ở lầu ba, vừa đủ chỗ kê hai cái giường và hai cái bàn học. Hà dành cái bàn học nhìn ra cửa sổ. Roommate của Hà to lớn, da trắng, tên Mary, còn roommate của Phượng da đen, tên Carol. Hai phòng chênh chéch nhau qua hành lang dài và hẹp. Sau đó Nguyễn dẫn hai em đến nhà ăn (cafeteria) Jefferson nằm bên kia đường rầy xe lửa. Từ đó ra, đi thẳng lên con dốc dẫn vào phố. Hà ngược mắt nhìn lên, bầu trời lơ lửng trên đỉnh dốc dựng đứng. Hà ngần ngừ, hỏi Nguyễn:

- Có đường đi khác không anh? Leo lên được con dốc này thì trẻ lớp, làm sao?
- Đường này ngắn nhất. Đi mãi cũng quen. Chỉ có 10 phút để đổi lớp thôi. Ráng mà đi cho nhanh. Bọn anh hồi xưa lên xuống con dốc này ngày mấy lần cơ đấy.

Một hồi, thấy yên lặng phía sau, Nguyễn quay xuống nhìn, Phụng đi được nửa đường, Hà vẫn còn lẻo đẻo phía sau, ì ạch từng bước thang. Nguyễn dừng lại chờ, tội nghiệp mấy cô tiêu thư này quá.

Nguyễn chỉ cho các em phòng lab, phòng học ở Engineering Building, nơi làm giấy tờ nhập học, xin học bổng và mượn tiền học, chỗ mua sách, chỗ mua những thứ cần dùng, ngân hàng. Đi loanh quanh một hồi, đến khoảng 3 giờ chiều thì Nguyễn về. Hà và Phụng đứng tiễn anh nơi cửa dorm, đợi đến khi chiếc xe khuất hẳn mới lên phòng gọi phone về nhà cho ông bà Xuân biết tin.

Thiếu Hà và Phụng, căn nhà vắng vẻ hẳn ra. Ông bà Xuân gọi mỗi tối cho đỡ nhớ và để xem tình hình hai chị em ra sao. Hà yếu đuối, nhút nhát, nhưng có Phụng dạn dĩ, xông xáo kể bên, ông bà Xuân cũng đỡ lo. Cuộc sống dần đi vào khuôn khổ, ổn định, cố gắng làm lại từ đầu, cho tương lai.

Qua nhà thờ Công giáo địa phương, ông Xuân có việc làm tại xưởng ráp các loại đèn treo trần nhà, đèn trên bàn, v.v. Công việc nhàm chán nhưng không nặng nhọc. Người chủ hãng, ông Kent, mượn hơn chục người Việt vì họ chăm chỉ,

khéo tay, lại không đòi hỏi này nọ. Giờ ăn trưa, mùi thức ăn Việt Nam thơm phức, còn ông giản tiện ngày nào cũng ăn ham sandwich và một trái táo.

Một buổi tối, ông Xuân đang ngồi viết báo thì có tiếng điện thoại kêu, ông nhắc phone lên, chăm chú lắng nghe:

- Alô ... Vâng tôi là Xuân đây... Trước tôi làm ở bộ ngoại giao bên Lào... Vâng, vâng... Trước tôi ngụ ở cư xá Đoàn Thị Điểm.

Bà Xuân đang ở trong bếp, lật đật chạy ra, khẽ hỏi:

- Ai đấy?

Ông Xuân che ông nói, thì thào:

- Cháu Đức

Bà Xuân hơn hờ, vái lia lịa, khăn:

- Cám ơn Trời Phật, cháu Đức vẫn còn sống.

Rồi bà nói to cốt để cho Đức nghe:

- Đức ơi, bác đây, bác mừng quá, chừng nào cháu về thăm bác...